



TỰ CHỦ TÀI CHÍNH TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP VIỆT NAM

ĐINH XUÂN KHOA - Email: khoadx@vinhuni.edu.vn
PHẠM MINH HÙNG - Email: minhhungdhv@gmail.com
 Trường Đại học Vinh

Tóm tắt: Tự chủ đại học là xu thế tất yếu của xã hội phát triển mà các trường đại học công lập buộc phải thích nghi. Tự chủ tài chính là vấn đề then chốt của tự chủ đại học, nhằm đảm bảo quá trình tự chủ và tự chịu trách nhiệm được thực hiện đầy đủ, khách quan, công bằng và minh bạch. Trên cơ sở phân tích thực trạng tự chủ tài chính của các trường đại học công lập trong thời gian vừa qua, bài viết đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả tự chủ tài chính trong các trường đại học công lập hiện nay. Các giải pháp đó là: 1/ Xác định đúng đắn mục tiêu tự chủ tài chính trong các trường đại học công lập; 2/Tổ chức thực hiện tự chủ tài chính trong các trường đại học công lập một cách hiệu quả, đúng quy định; 3/ Đổi mới cơ chế quản trị tài chính đối với giáo dục đại học công lập.

Từ khóa: Tự chủ; tự chủ tài chính; trường đại học công lập; giáo dục đại học.

(Nhận bài ngày 17/9/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 15/10/2017; Duyệt đăng ngày 25/10/2017).

1. Đặt vấn đề

Tài chính là nguồn lực rất quan trọng để thúc đẩy sự phát triển của giáo dục, trong đó có giáo dục đại học (GDĐH). Bởi lẽ, có nguồn lực tài chính, chúng ta mới có cơ sở để phát triển các nguồn lực khác như con người, cơ sở vật chất... những yếu tố quyết định đến chất lượng giáo dục. GDĐH đòi hỏi một nguồn lực tài chính rất lớn.

Ở Việt Nam hiện nay, trong điều kiện nguồn ngân sách dành cho GDĐH còn hạn hẹp thì thực hiện tự chủ tài chính (TCTC) của các trường đại học công lập (ĐHCL) là một tất yếu để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đồng thời vận động các nguồn lực của xã hội cho phát triển GDĐH. Tự chủ ĐH (TCDH) là xu thế tất yếu của xã hội phát triển và của các trường ĐHCL. TCDH có ba nội dung chủ yếu là: Tự chủ học thuật, tự chủ tổ chức - nhân sự, TCTC. Trong đó, TCTC giữ vai trò then chốt để thực hiện hiệu quả và bền vững các nội dung tự chủ khác. Trong bối cảnh hiện nay, đổi mới công tác quản lý tài chính được coi là chìa khóa cho sự thành công của quá trình thực hiện TCDH nói chung, TCTC nói riêng. Với việc trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các cơ sở giáo dục ĐHCL đã tạo cơ hội cho các cơ sở giáo dục ĐHCL nâng cao tính tích cực chủ động, sáng tạo trong quản lý tài chính và tài sản của đơn vị, sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) được giao tiết kiệm, hiệu quả hơn. Bài viết này sẽ tập trung làm rõ thực trạng TCTC của các trường ĐHCL trong thời gian vừa qua, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả TCTC của các trường ĐHCL.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng tự chủ tài chính của các trường đại học công lập

Sau 10 năm thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ, các trường ĐHCL đã bước đầu nâng cao tính tích cực chủ động trong quản lý tài chính, tài sản của đơn vị; sử dụng NSNN được giao và các nguồn lực khác

hiệu quả hơn. Ở một số ít trường ĐHCL, TCTC còn tăng nguồn thu để đầu tư cho phát triển nhà trường, nhất là trong các hoạt động đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Vì thế, TCDH nói chung, TCTC nói riêng là một chủ trương đúng đắn, vừa phù hợp với nhu cầu rất lớn về nguồn lực tài chính của các trường ĐHCL vừa đáp ứng xu thế tất yếu của GDĐH thế giới. Tuy nhiên, trong thời gian qua, việc triển khai TCTC của các trường ĐHCL đã bộc lộ không ít những khó khăn và hạn chế, ảnh hưởng lớn đến tiến độ, mức độ và hiệu quả thực hiện hoạt động này. Có thể chỉ ra một số khó khăn, hạn chế sau đây:

a/ Một bộ phận cán bộ quản lý, viên chức chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa và nội dung của TCDH nói chung, TCTC nói riêng

- Không thấy rõ TCDH nói chung, TCTC nói riêng là xu thế tất yếu của GDĐH, là nhu cầu tự thân của trường ĐHCL. Tâm lý bao cấp y lại vào nguồn hỗ trợ từ NSNN còn khá phổ biến cả trong cán bộ lãnh đạo và giảng viên, nhân viên. Vì thế, nhiều trường ĐHCL còn có thái độ chần chừ, chưa thật quyết tâm và quyết liệt trong TCDH, nhất là TCTC. Đó là lí do sau hơn 10 năm thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP hiện chỉ có 18 trường ĐH đề xuất và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Thí điểm thực hiện cơ chế TCTC".

- Hiểu sai về bản chất của TCTC, khi xem TCTC chủ yếu là cắt xén NSNN dành cho các trường ĐHCL.

GDĐH đã có một thời gian dài chịu ảnh hưởng bởi cơ chế phân bổ NSNN theo kiểu "bình quân chủ nghĩa", nên tâm lý trông chờ vào "bầu sữa" NSNN trở thành tâm lí chung của các trường ĐHCL. Vì thế, khi chuyển sang cơ chế TCTC không tránh khỏi những băn khoăn, lo lắng trong đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức nhà trường. TCTC không chỉ đơn thuần là sự cắt giảm NSNN mà còn là cơ chế để phát huy lợi thế của nhà trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ chuyển giao công nghệ. TCTC không có nghĩa là Nhà nước không đầu

tư cho GDDH mà là việc thực hiện Luật Đầu tư công và cơ chế phân bổ NSNN theo cơ chế đặt hàng.

- Hiểu TCTC là “xé rào” thu - chi cho các trường ĐHCL, để TCTC cần phải tạo được nguồn thu, do nguồn thu của các trường chủ yếu là học phí, do đó có tâm lý bằng mọi cách phải tăng chỉ tiêu tuyển sinh, tăng các khoản thu và giảm chi cho chuyên môn nghiệp vụ, cho khoa học công nghệ,... Nếu hiểu TCTC như vậy dễ dẫn đến sự tùy tiện trong quản lý tài chính.

b/ Chính sách đối với TCTC của các trường ĐHCL còn thiếu và chưa đồng bộ

TCTC của các trường ĐHCL đòi hỏi phải có các chính sách đồng bộ đi kèm. Nhưng có thể thấy trong thời gian vừa qua, các chính sách “đi kèm” cơ chế TCTC hoặc còn thiếu, hoặc chưa theo kịp. Chẳng hạn, TCTC cho phép trường ĐHCL được huy động các nguồn lực xã hội để phục vụ cho sự phát triển của nhà trường, thông qua hoạt động liên doanh, liên kết với doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân nhưng Bộ Tài chính lại chưa có các văn bản về quản lý công cho vấn đề này, hoặc TCTC cho phép các trường ĐHCL được tự chủ trong tuyển sinh, mở ngành đào tạo, tổ chức đào tạo... nhưng còn thiếu các chính sách làm rõ trách nhiệm chia sẻ kinh phí đào tạo giữa Nhà nước, xã hội và người học...

c/ Các trường đại học (ĐH) được tự chủ về mức chi nhưng tự chủ về thu chưa tương xứng

Trong thời gian dài, do bị khống chế về trần học phí, mức trần học phí thường thấp, thu không đủ chi, cho nên có hiện tượng một số trường ĐHCL “xé rào”, ban hành nhiều khoản thu ngoài quy định, dẫn đến thiếu công khai, minh bạch trong việc sử dụng nguồn thu. Việc duy trì mức học phí thấp đã làm cho các cơ sở giáo dục ĐHCL không có điều kiện cải thiện thu nhập cho giảng viên từ nguồn học phí chính quy, không thu hút và giữ được những giảng viên có trình độ cao tham gia giảng dạy. Để có nguồn bổ sung thu nhập, các trường phải mở rộng các hoạt động đào tạo không chính quy, khiến cho thời gian đứng lớp của giảng viên ĐH phần lớn bị quá tải.

Bên cạnh đó, nguồn tăng thu của các trường ĐHCL hiện nay vẫn là tăng quy mô đào tạo chứ chưa huy động được nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ chuyển giao khoa học công nghệ và dịch vụ tư vấn giáo dục đào tạo theo hợp đồng cho các tổ chức và cá nhân trong nước. Điều này cho thấy, các trường ĐHCL ở nước ta vẫn là trường ĐH “đào tạo” chứ chưa phải là trường ĐH “nghiên cứu” như ở các nước có nền giáo dục phát triển trên thế giới.

2.2. Một số giải pháp tăng cường tự chủ tài chính của các trường đại học công lập

2.2.1. Xác định đúng đắn mục tiêu tự chủ tài chính trong các trường đại học công lập

Việc TCTC trong các trường ĐHCL phải hướng đến các mục tiêu cơ bản sau đây:

- Giao quyền chủ động trong việc quản lý và chi tiêu tài chính cho hiệu trưởng (giám đốc) và quyền chủ động cho cán bộ, viên chức trong nhà trường để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Triển khai cơ chế tiền lương mang tính cạnh tranh nhằm thu hút và giữ chân các giảng viên, cán bộ viên

chức có trình độ cao, có năng lực.

- Thay đổi cơ bản cơ chế trả thu nhập cho cán bộ theo định hướng nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và dịch vụ.

- Ổn định phát triển nguồn lực về tài chính bao gồm NSNN, nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu khác; sử dụng hiệu quả nguồn tài chính để vừa đảm bảo chi thường xuyên, vừa đáp ứng nhu cầu phát triển của nhà trường.

2.2.2. Tổ chức thực hiện tự chủ tài chính trong các trường đại học công lập một cách hiệu quả, đúng quy định

Để thực hiện TCTC một cách hiệu quả, đúng quy định, các trường ĐHCL cần làm tốt một số công việc sau đây:

- Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ

Quy chế chi tiêu nội bộ phải được xây dựng trên nguyên tắc chi trả theo năng lực và hiệu quả công tác để khuyến khích, tạo động lực cho cá nhân, đơn vị hoàn thành công việc được giao với chất lượng và hiệu quả cao nhất. Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ cần được bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với các chính sách mới và điều kiện thực tế của các trường ĐHCL.

- Phân cấp quản lý tài chính cho các đơn vị trực thuộc trong trường

Các trường ĐHCL cần mở rộng cơ chế khoán chi thường xuyên, nhất là đối với chi cho hoạt động chuyên môn để các đơn vị chủ động thực hiện nhiệm vụ được giao và nâng cao ý thức tiết kiệm, quản lý và sử dụng tài sản, thiết bị có hiệu quả.

- Nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ khoa học - kĩ thuật

Nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về chất lượng nguồn nhân lực là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao uy tín và vị thế của các trường ĐHCL. Điều đó sẽ góp phần thu hút ngày càng nhiều sinh viên (SV) theo học và do đó các cơ sở giáo dục ĐHCL sẽ có điều kiện tăng nguồn thu.

Xây dựng các trường ĐHCL thành các trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ mạnh là một yêu cầu cấp thiết. Việc nghiên cứu khoa học không chỉ giúp cho giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, phục vụ tốt nhu cầu giảng dạy mà còn tăng nguồn thu cho các trường ĐH. Hơn nữa, hiện nay nhu cầu chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ hiện đại từ các cá nhân, các doanh nghiệp là rất lớn. Vì vậy, các trường ĐHCL có thể tận dụng khả năng của mình để đáp ứng nhu cầu xã hội, tăng nguồn thu cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Khuyến khích thành lập các viện, trung tâm nghiên cứu, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường ĐHCL; Giao nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các trường ĐHCL để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học; Hình thành các tổ chức chuyển giao công nghệ trong các trường ĐHCL nhằm phát triển mạnh hoạt động xúc tiến, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, hỗ trợ đăng kí và khai thác sáng chế trong các trường ĐHCL. Cùng với việc thực hiện nghiêm vấn đề quyền tác giả và sở hữu trí tuệ.

- Tăng cường gắn kết giữa nhà trường và doanh nghiệp



Hợp tác giữa trường ĐH và doanh nghiệp trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, trong đào tạo cán bộ là xu thế phổ biến trên thế giới. Hợp tác giữa trường ĐHCL và doanh nghiệp được coi là mô hình kết hợp nghiên cứu và sản xuất. Sản phẩm cuối cùng của quá trình nghiên cứu là sở hữu của cả hai bên, doanh nghiệp và trường ĐH cùng chia sẻ lợi nhuận. Trong quá trình hợp tác này, doanh nghiệp thu được lợi nhuận từ việc bán sản phẩm, còn nhà trường có nguồn thu từ việc hợp tác với doanh nghiệp.

Do vậy, các trường ĐHCL cần chủ động thành lập cơ quan điều hành hoạt động hợp tác này trong nhà trường. Có như vậy mới quy tụ được các nhà khoa học giỏi chuyên môn, hình thành đội ngũ nghiên cứu, từ đó hiệu quả hợp tác giữa trường ĐHCL và doanh nghiệp được nâng cao, mang lại lợi ích cho các bên tham gia.

- Khuyến khích các cá nhân, tổ chức đóng góp tài trợ cho phát triển giáo dục ĐHCL

Ở Việt Nam hiện nay, việc khuyến khích và đưa ra ý tưởng khuyến khích đóng góp tài trợ từ các cá nhân, tổ chức, các nhà hảo tâm cho các trường ĐHCL chưa được chú trọng. Thông thường, các hoạt động đóng góp, ủng hộ cho sự phát triển của trường chỉ thực sự rầm rộ khi các trường tổ chức những sự kiện lớn, do vậy chưa thu hút được nhiều và thường xuyên.

Để thu hút được nhiều nguồn tài trợ, đóng góp từ thiện, các trường ĐHCL cần thành lập và duy trì hoạt động thường xuyên của ban liên lạc cựu SV, có hình thức vinh danh đối với những đóng góp của cựu SV và các nhà tài trợ, đồng thời tuyên truyền sâu, rộng đến cộng đồng để huy động được ngày càng nhiều các nguồn đóng góp. Muốn làm được điều đó, các trường ĐHCL cần phải nâng cao chất lượng và uy tín trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, sử dụng hợp lý và có hiệu quả các nguồn tài trợ cho sự nghiệp phát triển của các trường.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát thu - chi tài chính

Cùng với việc phân cấp và mở rộng khoán chi cho các đơn vị trực thuộc, nhà trường cần củng cố và hoàn thiện các quy định trách nhiệm giải trình về tài chính giữa các cấp trong trường, tổ chức hoạt động kiểm soát nội bộ và công khai tài chính. Đây là cơ sở để công tác quản lý tài chính đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch.

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý tài chính cho các đơn vị trong trường

Khi thực hiện cơ chế khoán chi cho các đơn vị, đào tạo nâng cao năng lực quản lý tài chính và tập huấn hướng dẫn công tác kế toán - tài chính là điều kiện cần thiết, để đảm bảo thu - chi tài chính của các đơn vị trong toàn trường đúng chế độ của Nhà nước và đúng quy định của nhà trường, gắn với trách nhiệm giải trình của các đơn vị trong toàn trường.

2.2.3. Đổi mới cơ chế quản trị tài chính đối với giáo dục đại học công lập

- Đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực từ NSNN

Nguồn lực từ NSNN cho giáo dục ĐHCL hiện còn đang được phân bổ một cách bình quân. Vì thế, cần phải thực hiện tái cơ cấu phân bổ nguồn lực NSNN cho các trường ĐHCL theo hướng: NSNN ưu tiên cho việc

xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, cơ sở dùng chung đảm bảo chất lượng đào tạo. Người học phải có trách nhiệm trang trải chi phí cần thiết cho học tập; NSNN giảm dần, tiến tới không hỗ trợ chi phí đào tạo đối với những ngành học đã đáp ứng nhu cầu xã hội, ngành học mà người học và gia đình sẵn sàng bỏ chi phí để theo học, thông qua đó, tiết kiệm NSNN để tăng chi, tăng mức hỗ trợ cho những ngành học mà xã hội có nhu cầu nhưng không có người theo học. Thay đổi cơ chế phân bổ NSNN theo các tiêu chí đầu vào như hiện nay sang việc phân bổ NSNN theo tiêu chí đầu ra, gắn với các hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo, định mức phân bổ chi phí đào tạo, có sự phân biệt giữa cơ sở giáo dục ĐHCL hoạt động có chất lượng, hiệu quả với cơ sở giáo dục ĐHCL kém chất lượng, không hiệu quả. Thực hiện phân bổ kinh phí gắn với các kết quả đánh giá, kiểm định độc lập về chất lượng GDĐH. Thực hiện chính sách nhà nước đặt hàng đối với một số ngành đào tạo khoa học cơ bản, khoa học xã hội nhân văn, nghệ thuật truyền thống, nông nghiệp nông thôn, năng lượng nguyên tử... (những ngành ít học sinh đăng kí theo học), phù hợp với nhu cầu sử dụng của Nhà nước.

Người học những ngành trên có thể được hỗ trợ toàn bộ chi phí đào tạo của Nhà nước nhưng phải cam kết chấp nhận sự phân công của Nhà nước theo địa chỉ sử dụng sau khi được đào tạo. Thay đổi phương thức miễn học phí đối với SV sư phạm hiện nay bằng cách Nhà nước cấp tín dụng cho SV sư phạm theo mức tính đủ chi phí cần thiết để đóng học phí cho cơ sở đào tạo. Sau khi tốt nghiệp, nếu SV đó công tác ở lĩnh vực sư phạm trong một thời gian nhất định thì sẽ được Nhà nước xóa nợ cả gốc và lãi. Trong trường hợp SV đổ công tác ngoài ngành Sư phạm thì phải có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ khoản vay cho Nhà nước.

Nhà nước sử dụng NSNN như một công cụ điều chỉnh kinh tế vĩ mô để thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở GDĐH theo hướng giảm chi phí, nâng cao chất lượng; sử dụng NSNN để điều chỉnh, phân luồng cơ cấu, ngành nghề đào tạo phù hợp với quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực đối với từng ngành nghề.

Xây dựng các tiêu chí để từng bước thực hiện việc đầu thầu kinh phí đào tạo từ NSNN, theo đó nguồn lực từ NSNN sẽ được giao cho những cơ sở đào tạo có chất lượng, hiệu quả và chi phí hợp lý, thực hiện cạnh tranh lành mạnh giữa các cơ sở đào tạo, không phân biệt cơ sở công lập, ngoài công lập.

- Đổi mới cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm tài chính

Đổi mới cơ chế quản lý tài chính theo hướng: giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong cung cấp dịch vụ gắn với nhu cầu của xã hội, cơ sở đào tạo được quyết định thu giá dịch vụ trên cơ sở khung giá tính đủ các chi phí cần thiết do cấp có thẩm quyền ban hành; được hạch toán đầy đủ chi phí và khấu hao tài sản thiết bị; được Nhà nước giao vốn và bảo toàn, phát triển vốn; được quyền quyết định việc sử dụng tiền vốn, tài sản gắn với nhiệm vụ được giao theo quy định; được huy động vốn, góp vốn liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế khác để mở rộng việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, tự quyết định số lượng người lao động và trả lương trên

cơ sở thang bảng lương của Nhà nước và hiệu quả, chất lượng công việc.

Khuyến khích chuyển các cơ sở GDĐH sang thực hiện theo phương thức tự chủ toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên, không nhận hỗ trợ kinh phí từ NSNN. Theo phương thức này, các cơ sở đào tạo vẫn được hưởng nguồn vốn đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, khoa học công nghệ, chương trình mục tiêu... của Nhà nước nhưng sẽ được tự chủ trong xác định chỉ tiêu tuyển sinh gắn với khả năng đào tạo và nhu cầu xã hội, phù hợp với các tiêu chí đảm bảo chất lượng theo quy định của Nhà nước. Các trường ĐHCL cũng được tự chủ trong việc xác định mức học phí đảm bảo bù đắp chi phí hoạt động thường xuyên và từng bước có tích lũy tái đầu tư trang thiết bị, tài sản. Các trường được tự chủ sử dụng tài sản trong liên doanh, liên kết; được tự chủ trong việc xác định mức tiền lương và phương thức chi trả tiền lương trong khả năng cân đối nguồn tài chính; tự chủ trong việc gửi nguồn thu học phí tại ngân hàng, lựa chọn ngân hàng phục vụ và hưởng lãi trên nguồn tiền gửi.

- Đổi mới cơ chế hỗ trợ chi phí đào tạo đối với người học

Tiếp tục hoàn thiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người học, giảm bớt các thủ tục hành chính trong việc xác định đối tượng được hỗ trợ và phương thức thanh toán cho đối tượng được hỗ trợ; người học sử dụng kinh phí được Nhà nước hỗ trợ để đóng học phí cho các cơ sở đào tạo. Cách làm này sẽ tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo thu đủ nguồn kinh phí cần thiết để triển khai các hoạt động, người học chủ động lựa chọn cơ sở đào tạo phù hợp nhu cầu...

Đối với SV có hoàn cảnh khó khăn, gia đình nghèo, đối tượng chính sách xã hội, SV tài năng, Nhà nước tiếp tục duy trì chính sách hỗ trợ thông qua chính sách tín dụng đào tạo, chính sách cấp học bổng Chính phủ... Do nguồn lực NSNN không bị dàn trải cho tất cả các đối tượng người học như trước đây nên sẽ có điều kiện tăng mức hỗ trợ tương xứng với nhu cầu đào tạo đối với các SV thuộc đối tượng trên nhưng vẫn không phải tăng chi NSNN. Tiếp tục tăng NSNN đào tạo đối tượng SV cũ

tuyển theo hướng gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng tại các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa thực hiện tốt dân chủ, công bằng trong giáo dục.

3. Kết luận

TGDH là xu thế tất yếu của xã hội phát triển mà các trường ĐHCL buộc phải thích nghi. TCTC là vấn đề then chốt, nhằm đảm bảo quá trình tự chủ và tự chịu trách nhiệm được thực hiện đầy đủ, khách quan, công bằng và minh bạch. Trên cơ sở phân tích thực trạng TCTC của các trường ĐHCL trong thời gian vừa qua, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả TCTC trong các trường ĐHCL. Các giải pháp này cần được triển khai một cách đồng bộ, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng cơ sở giáo dục ĐHCL.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lí Hoàng Ánh - Trần Mai Ước, (2016), *Tự chủ tài chính tại các trường đại học công lập: cân đủ năng lực và sự sẵn sàng của các trường, Tự chủ đại học và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2011), *Đề án Thí điểm đổi mới thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với một số trường đại học công lập*.
- [3]. Trần Đức Căn, (2012), *Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính các trường đại học công lập*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- [4]. Chính phủ, (2014), *Nghị quyết 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 về Thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục công lập giai đoạn 2014-2017*.
- [5]. Chính phủ, (2015), *Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về Quy định cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập*.
- [6]. Nguyễn Trường Giang, (2012), *Giải pháp đổi mới cơ chế tài chính, nâng cao chất lượng đào tạo đại học*, Tạp chí Tài chính, số 12, năm 2012.
- [7]. Trịnh Xuân Thắng, (2016), *Vấn đề tự chủ tài chính của các trường đại học công lập ở Việt Nam hiện nay, Tự chủ đại học và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

FINANCIAL AUTONOMY AT PUBLIC UNIVERSITIES IN VIETNAM

DINH XUAN KHOA - Email: khoadx@vinhuni.edu.vn
 PHAM MINH HUNG - Email: minhhungdhv@gmail.com
 Vinh University

Abstract: *University autonomy is an indispensable trend in society development that public universities are forced to adapt. Financial autonomy is a key issue of university autonomy, to ensure process of autonomy and accountability to be fully, objectively and equally implemented with transparency. Basing on the analysis of the current state of financial autonomy at public universities, the paper proposes some solutions to improve the effectiveness of financial autonomy at public universities today. These solutions are: 1/ Properly define the objectives of financial autonomy at public universities; 2/ Effectively and correctly organize and implement financial autonomy at public universities; 3/ Renew the financial governance mechanism for public higher education.*

Keywords: *Autonomy; financial autonomy; public universities; higher education.*